

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày 20- 7- 2023
“V/v Tranh chấp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú – kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Huệ A, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huệ A trình bày:

Vào năm 2017 và 2018 vợ chồng ông Lê Văn N (gọi tắt là N) và bà Huỳnh Thị L (gọi tắt là L) có tham gia chơi hai dây hụi do bà Nguyễn Thị Huệ A (gọi tắt là Huệ A) làm chủ hụi, việc chơi hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất mở ngày 30/11/2017, hụi có 31 hụi viên, mỗi tháng xỏ hụi 01

lần với số tiền góp 2.000.000 đồng/chân hội, ông N và bà L có tham gia 02 chân hội. Đến ngày 30/11/2017 ông N và bà L hốt 01 chân hội và đến ngày 30/3/2018 hốt chân hội còn lại, sau đó đóng hội chết được vài lần thì ngưng đóng hội. Trong đây hội này ông N bà L còn nợ bà Huệ A số tiền 32.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai mở ngày 11/11/2018, hội có 30 hội viên, mỗi tháng xổ hội 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng/chân hội, ông N bà L có tham gia 01 chân hội. Đến ngày 10/12/2018 ông N và bà L hốt hội, sau đó đóng hội chết được vài lần thì ngưng đóng hội. Trong đây hội này ông N và bà L còn nợ bà Huệ A số tiền 28.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng trong hai dây hội vợ chồng ông N và bà L nợ của bà Huệ A 60.000.000 đồng, sau đó ông N và bà L có trả được 16.000.000 đồng và hiện còn nợ 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Huệ A yêu cầu ông N bà L trả số tiền hội là 44.000.000 đồng và yêu cầu phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 30/8 âm lịch/2022 (tức ngày 25/9/2022 dương lịch) đến ngày xét xử đồng thời phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất pháp luật cho phép cho đến ngày trả xong số nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị L có ý kiến trình bày như sau:

Vợ chồng ông N và bà L thừa nhận có tham gia chơi hội do bà Huệ A làm chủ hội và xác nhận hiện nay còn nợ của bà Huệ A 44.000.000 đồng. Nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với số tiền lãi bà Huệ A yêu cầu vợ chồng ông N và bà L không đồng ý trả và cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng trả thêm tiền lãi ngoài số tiền hội còn nợ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Thống nhất: Bà Huệ A, ông N và bà L cùng thống nhất xác nhận ông N và bà L còn nợ của bà Huệ A 44.000.000 đồng tiền hội.

Không thống nhất: Bà Huệ A yêu cầu ông N và bà L trả số tiền 44.000.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/9/2022 (ngày trả nợ lần cuối) cho đến ngày xét xử và tiếp

tục trả tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật cho phép từ ngày xét xử cho đến ngày trả hết nợ, còn ông N và bà L thống nhất trả số nợ 44.000.000 đồng nhưng đề nghị được trả dần mỗi tháng trả 1.500.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi.

Kết quả thu thập chứng cứ: Tờ giao kèo, biên bản hòa giải tại ấp Kinh Dài, xã Tây Yên đề ngày 28/10/2022. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự và các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hội”.

Tại phiên tòa các bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với ông N và bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo xác nhận của bà Huệ A, ông N và bà L thì từ năm 2017 đến năm 2018 ông N và bà L có tham gia chơi hai dây hội tháng do bà Huệ A làm chủ hội, các đương sự thống nhất với nhau về thời gian áp hội, số phần hội và giá trị từng phần hội trong từng dây hội. Các đương sự cũng thống nhất việc ông N và bà L đã hốt hội nhưng sau khi hốt hội thì ông N và bà L không thực hiện đóng hội cho tới khi mãn hội và đến nay còn nợ của bà Huệ A số tiền 44.000.000 đồng.

Ngoài sự thống nhất về số nợ giữa các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án bà Huệ A còn cung cấp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản hòa giải tại ấp Kinh Dài, xã Tây Yên, tờ giao kèo xác định ông N và bà L có nợ tiền hụi của bà Huệ A.

Do ông N và bà L vi phạm nghĩa vụ của thành viên chơi hụi đối với chủ hụi, căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 16 và Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Hộ, hụi, biếu, phường cần buộc ông N và bà L phải trả cho bà Huệ A số tiền hụi còn nợ là 44.000.000 đồng.

Ông N và bà L đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà Huệ A đồng ý do đó không có cơ sở để chấp nhận đề nghị trả nợ dần của bị đơn.

Ngoài yêu cầu trả nợ số tiền hụi là 44.000.000 đồng bà Huệ A còn yêu cầu ông N và bà L phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 25/9/2022 cho đến ngày xét xử vụ án là ngày 20/7/2023 với mức lãi suất 1%/tháng. Nhận thấy do vợ chồng ông N và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu trả tiền lãi chậm trả tiền đối với số tiền nợ là có căn cứ phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, khi phát sinh số nợ trên các bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả tiền nên mức lãi suất chỉ được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là $(50\% \times 20\%/năm = 10\%/năm)$. Mức lãi suất mà bà Huệ Anh yêu cầu là 1%/tháng cao hơn mức lãi suất pháp luật cho phép nên được điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật và bà Huệ A thống nhất với mức lãi được điều chỉnh.

Như vậy, số tiền lãi mà vợ chồng ông N và bà L phải trả cho bà Huệ A kể từ ngày 25/9/2022 cho đến ngày xét xử là (09 tháng + 25 ngày) và được tính như sau: $44.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times (09 \text{ tháng} + 25 \text{ ngày}) = 3.601.368 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền vợ chồng ông N và bà L phải trả cho bà Huệ A tính tới ngày xét xử (20/7/2023) là: $44.000.000 \text{ đồng (tiền nợ)} + 3.601.368 \text{ đồng (tiền lãi phát sinh)} = 47.601.368 \text{ đồng}$.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông N và bà L còn phải trả cho bà Huệ A khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 10%/năm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] Về án phí của vụ án: $47.601.368 \text{ đồng} \times 5\% = 2.380.068 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Huệ A được hoàn trả số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, 468, 357 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 16, Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Hộ, hội, biên, phường;

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huệ A.

Buộc ông Lê Văn N bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Huệ A số tiền nợ hội là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 3.601.368 đồng (Ba triệu, sáu trăm linh một nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng). Tổng số tiền phải trả là 47.601.368 đồng (Bốn mươi bảy triệu, sáu trăm linh một nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị L còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Huệ A khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 10%/năm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.380.068 đồng (Hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng).

Bà Nguyễn Thị Huệ A được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.462.500 đồng (Một triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0003920 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên , tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 20/7/2023. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm